TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 - GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/DS-ST
Ngày 11/7/2025
"V/v tranh chấp yêu cầu trả lại Giấy đăng ký xe môtô"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Đình Nguyên;
2. Ông Trần Văn Thảo.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Dung – Thư ký viên Tòa án nhân dân Khu vực 13- Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 – Gia Lai tham gia phiên tòa:* Bà Phan Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13- Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 129/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2024 về việc "*Tranh chấp yêu cầu trả lại Giấy đăng ký xe môtô*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST-DS ngày 13/6/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị O, sinh năm 1964; nơi thường trú: A T, Tổ C, phường A, tỉnh Gia Lai (trước đây là Tổ C, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai); có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T; nơi thường trú: A Q, Tổ I, phường A, tỉnh Gia Lai (trước đây là Tổ I, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai);

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Lưu Thị Trường C, sinh năm 1992; nơi thường trú: Thôn A, xã C, tỉnh Gia Lai (trước đây là xã C, thị xã A, tỉnh Gia Lai (Giấy ủy quyền ngày 10/01/2025, số công chứng 071, quyển số 03/2025 TP/CC-SCC/HĐGD, Văn phòng C1, Gia Lai chứng nhận); có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Công ty TNHH M; địa chỉ trụ sở: Tầng E, Khối E, Tòa nhà C, số B C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Phường A, quận T);

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Nguyên H – Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty;

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Huyền T1, sinh năm 1989 – Trưởng phòng Pháp chế và Tuân thủ của Công ty (Giấy ủy quyền số 04/2025/GUQ-GLX DT ngày 17/3/2025); có đơn xin xét xử vắng mặt;

+ Ông Đỗ Văn T2, sinh năm 1965; nơi thường trú: C Đ, Tổ H, phường A, tỉnh Gia Lai (trước đây là phường A, thị xã A); có đơn xin xét xử vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn bà Phạm Thị O trình bày: Vào ngày 09/6/2020 tôi mua trả góp tại cửa hàng D 01 chiếc xe máy nhãn hiệu SH Mode với giá 71.500.000đ, tôi đã đưa trước 30.000.000đ số tiền còn lại 41.500.000đ thỏa thuận trả theo hình thức trả góp. Tôi trả đầy đủ mỗi tháng 2.992.000đ, cho đến tháng 7/2021 do có khó khăn về kinh tế không trả được nữa nên còn nợ lại khoảng gần 12.000.000đ. Theo lịch sử thanh toán chi tiết bên Công ty M cung cấp, từ ngày 30/8/2021 cho đến ngày 08/8/2024 có lần trả 1.000.000đ, 500.000đ, .v.v… thì tôi không biết ai đã trả, vì tôi và người thân của tôi không ai thanh toán khoản tiền này. Năm 2022 âm lịch tôi có cầm cố xe môtô trên cho ông Đỗ Văn T2 để vay 30.000.000đ, tiền lãi tháng đầu mỗi ngày 40.000đ, tháng tiếp theo do không có tiền nên ông T2 đồng ý mỗi ngày trả 20.000đ. Tôi trả tiền lãi hằng tháng cho ông T2, có tháng trả 1.000.000đ, có tháng trả 500.000đ, tôi không nhớ đã trả bao nhiêu tiền. Khi cầm cố thì tôi chỉ giao xe không giao giấy đăng ký xe cho ông T2. Vào ngày 08/12/2024 tôi đến Cửa hàng Duy Tuấn P đóng tiền còn nợ để lấy giấy đăng ký xe nhưng nhân viên cửa hàng nói tôi xuống cửa hàng điện máy xanh đóng tiền, sau đó tôi xuống cửa hàng điện máy xanh thì nhân viên nói với tôi là có người nhà đã trả tiền và lấy giấy đăng ký xe về rồi. Người thân trong gia đình tôi xác nhận không có ai lấy giấy đăng ký xe cả. Sau này tôi được biết ông T2 đã mạo nhận là người thân của tôi để lấy giấy đăng ký xe của tôi. Hiện nay tôi chưa có tiền nên chưa trả tiền cho ông T2, xe của tôi ông T2 vẫn đang giữ, tuy nhiên việc Cửa hàng mua bán xe không giao Giấy đăng ký xe cho đúng chủ xe là không đúng, do vậy tôi yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T phải trả lại Giấy đăng ký xe cho tôi. Tôi không yêu cầu ông T2 trả vì ông T2 không phải là người có trách nhiệm nhận hay giữ giấy đăng ký xe của tôi. Đồng thời tôi yêu cầu Tòa án xử lý người đã mạo danh tôi để nhận Giấy đăng ký xe của tôi.

2. Lời khai có tại hồ sơ của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn T là chị Lưu Thị Trường C trình bày: Cửa hàng mua bán xe máy Duy Tuấn P thuộc Công ty TNHH D1 (sau đây gọi tắt là Công ty D1); địa chỉ trụ sở C Q, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai (nay là phường A, tỉnh Gia Lai), do ông Nguyễn Văn T là Giám đốc Công ty làm đại diện. Vào ngày 09/6/2020 bà Phạm Thị O mua trả góp tại Cửa hàng mua bán xe máy Duy Tuấn P 01 chiếc xe máy hiệu SH mode, màu sơn Bạc Đen, số khung 035031, số máy 5260798, biển số 81G1 – 264.49, với giá 71.500.000đ. Bà O đã trả 30.000.000đ, số tiền còn lại 41.500.000đ bà O vay theo hình thức trả góp với Công ty T4 (sau đây gọi tắt là Công ty T5) để trả cho Công ty D1. Theo thỏa thuận tại hợp đồng thì bà O có trách nhiệm thanh toán đủ số tiền còn lại cho Công ty D1 để lấy biển số xe và đăng ký xe. Công ty T5 đã chuyển trả cho Công ty D1 P số tiền bà O vay mua xe còn nợ là 41.500.000đ

nên Công ty D1 đã giao lại giấy đăng ký xe của bà O cho Công ty T5. Như vậy Công ty D1 đã hoàn thành hợp đồng mua bán xe với bà O, bà O thanh toán đủ tiền cho Công ty T5 thì họ sẽ giao Giấy đăng ký xe. Việc mua bán xe giữa Công ty D1 và bà O đã hoàn thành, Công ty D1 cũng như cá nhân ông T không giữ Giấy đăng ký xe, do vậy bị đơn hoàn toàn không đồng ý với yêu cầu của bà O về việc buộc bị đơn phải giao giấy đăng ký xe cho bà O.

3. Lời khai có tại hồ sơ của người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH M (sau đây gọi tắt là Công ty M) là chị Nguyễn Thị Huyền T1 thể hiện: Ngày 09/6/2020 bà Phạm Thị O vay của Công ty T5 44.239.000đ, lãi suất 2.11%/tháng. Theo chi tiết thanh toán tiền thì bà O đã 18 lần thanh toán, ngày đầu tiên là ngày 07/7/2020 và ngày cuối cùng là ngày 21/4/2022 thì không thanh toán nữa. Ngày 30/6/2023 khoản nợ của bà O đã được Công ty T5 chuyển nhượng lại cho Công ty M theo hợp đồng mua bán nợ số VPBSMBCFC-GALAXY-23-0002. Sau khi nhận chuyển nhượng Công ty M đã nhiều lần liên hệ với bà O để giải quyết số tiền còn nợ theo hợp đồng nhưng bà O không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty M. Trong quá trình liên hệ tham chiếu trên hợp đồng Công ty M biết được ông Đặng Văn T3 đã nhận cầm cố xe môtô biển số 81G1 – 264.49 nên đã liên hệ với ông T3. Vì ông T3 nhận cầm cố xe nhưng lại không có Giấy đăng ký xe nên ngày 08/8/2024 ông T3 đồng ý thanh toán toàn bộ số tiền bà O còn nợ để nhận Giấy đăng ký xe. Sau khi tất toán hợp đồng nhân viên xử lý hồ sơ đã giao giấy đăng ký xe cho ông Đỗ Văn T2. Khi bà O khiếu nại yêu cầu nhận lại giấy đăng ký xe, Công ty M đã liên hệ với ông T2 nhưng ông T2 chỉ đồng ý trả Giấy đăng ký xe nếu bà O trả tiền còn nợ cho ông T2. Công ty M đã bàn giao giấy đăng ký xe dựa trên thông tin được cung cấp và tất toán khoản vay cho nên tranh chấp trên không thuộc trách nhiệm của công ty M.

4. Lời khai có tại hồ sơ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn T2 thể hiện: Tôi là chủ Cửa hàng Cầm đồ 37, địa chỉ tại C Đ, thị xã A, tỉnh Gia Lai (nay là phường A, tỉnh Gia Lai), bà Phạm Thị O là bạn thân của vợ tôi. Vào ngày 24/12/2022 âm lịch tôi cho bà Phạm Thị O vay 30.000.000đ, thời hạn vay từ ngày 24/12/2022 âm lịch đến ngày 24/01/2023 âm lịch, vì bà O khó khăn nên có lúc đưa cho tôi 500.000đ, có lúc 300.000đ, tổng cộng số tiền lãi bà O đã đưa khoảng 3.000.000đ. Bà O giao cho tôi nhận cầm cố 01 chiếc xe máy SH nữ, biển số 81G1 264.49. Hai bên có thỏa thuận hết thời hạn vay bà O trả đủ gốc và lãi thì tôi giao trả lại xe, nếu quá thời hạn bà O không trả thì tôi được bán xe của bà O để thu hồi vốn. Bà O giao xe cho tôi nhưng không giao giấy đăng ký xe, vì cũng là chỗ quen biết nên tôi tin tưởng không yêu cầu. Tuy nhiên hết thời hạn vay bà O không trả tiền mà cũng không giao giấy đăng ký xe, tôi gọi điện thoại cho bà O đến lấy xe và trả tiền nhưng bà O không đến. Tôi tìm hiểu và được biết bà O mua xe trả góp nhưng chưa trả đủ tiền nên Công ty chưa giao giấy đăng ký xe cho bà O. Tôi đã trả hết số tiền bà O còn nợ cho Công ty M là 12.000.000đ và lấy giấy đăng ký xe, nhân viên Công ty yêu cầu tôi ký tên Oanh ở bên nhận nhưng tôi chỉ đồng ý ký tên tôi chứ không ký tên bà O. Tên "Phạm Thị O" ghi ở bên nhận giấy đăng ký xe không phải do tôi ký. Sau đó tôi có nói với bà O là tôi đã chuộc giấy đăng ký xe rồi và yêu cầu bà O phải trả tiền cho tôi để lấy xe, lấy giấy đăng ký xe về nhưng bà O

không chịu trả. Hiện nay xe môtô biển số 81G1 – 264.49 và Giấy đăng ký xe trên tôi đang trực tiếp quản lý, bà O muốn lấy giấy đăng ký xe và lấy xe thì phải trả cho tôi số tiền đã vay là 30.000.000đ, tiền tôi trả thay là 12.000.000đ và tiền lãi chưa trả theo lãi suất Ngân hàng. Tôi không yêu cầu Tòa án phải giải quyết nội dung liên quan đến việc vay tiền, cầm cố tài sản của bà O trong cùng vụ án.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13-Gia Lai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Phạm Thị O yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T; nơi thường trú: 1126 Q, Tổ I, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai, nay là phường A, tỉnh Gia Lai phải trả giấy đăng ký xe môtô. Theo quy định tại khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án "Tranh chấp yêu cầu trả lại giấy đăng ký xe môtô", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai nay là Tòa án nhân dân Khu vực 13-Gia Lai.

[2] Đại diện theo ủy quyền của bị đơn là chị Lưu Thị Trường C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn T2; người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH M là chị Nguyễn Thị Huyền T1 có đơn xin xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị C, ông T2 và chị T1.

[3] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn T phải trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe môtô, xe máy số 021848 do Công an thị xã A cấp ngày 10/6/2020 cho bà Phạm Thị O đối với xe môtô, nhãn hiệu HONDA, số loại SH MODE, biển số 81G1-264.49. Xét yêu cầu của nguyên đơn, lời khai của các đương sự và các tài liệu thu thập có tại hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Vào ngày 09/6/2020 bà Phạm Thị O mua tại Cửa hàng xe máy Duy Tuấn P thuộc Công ty TNHH D1 01 xe môtô, nhãn hiệu HONDA, số loại SH MODE với giá 71.500.000đ. Bà O đã trả 30.000.000đ, số tiền còn lại 41.500.000đ bà O vay của Công ty T5 theo hình thức tín chấp, số tiền phải trả hàng tháng là 2.980.000đ, thời hạn trả từ ngày tiếp theo ngày giải ngân cho đến ngày 09/12/2021. Ngày 11/6/2020 Công ty T5 đã chuyển số tiền bà O vay cho Công ty D1 và nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe môtô, xe máy số 021848 do Công an thị xã A cấp ngày 10/6/2020 cho bà Phạm Thị O. Từ ngày 07/7/2020 đến ngày 22/4/2022 bà O đã trả tổng cộng 41.884.000đ. Ngày 21/10/2024 Công ty T5 đã bán khoản nợ còn lại của bà O là 11.291.737đ cho Công ty M. Như vậy số tiền bà O còn nợ Công ty T5 được chuyển quyền yêu cầu sang cho Công ty M.

[3.2] vào ngày 21/12/2022 âm lịch, bà Phạm Thị O vay của ông Đỗ Văn T2 30.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 21/01/2023 âm lịch. Bà O cầm cố xe môtô biển số 81G1-264.49 cho ông T2. Các bên thỏa thuận nếu hết thời hạn vay mà bà O không trả tiền thì ông T2 có quyền bán tài sản cầm cố để thu tiền. Do bà O chỉ cầm cố xe mà không giao giấy đăng ký xe, nên ngày 08/8/2024 ông T2 đã trả cho Công ty M số tiền bà O còn nợ là 11.300.000đ và nhận lại Giấy chứng nhận đăng ký xe môtô, xe máy số 021848 do Công an thị xã A cấp ngày 10/6/2020 cho bà Phạm Thị O đối với xe môtô biển số 81G1-264.49. Như vậy Giấy đăng ký xe môtô, xe máy số 021848 hiện ông Đỗ Văn T2 đang cất giữ.

[3.3] Theo hợp đồng mua bán xe máy ngày 09/6/2020 giữa Công ty D1 và bà Phạm Thị O thì bà O phải thanh toán đủ số tiền còn nợ để lấy biển số xe và Giấy đăng ký xe. Theo hợp đồng vay số 20200609-1965684 ngày 09/6/2020 giữa Công ty T5 và bà Phạm Thị O thì không có thỏa thuận bà O thế chấp xe môtô biển số 81G1-264.49 hay Công ty T5 được quyền cất giữ Giấy đăng ký xe của xe môtô biển số 81G1-264.49 cho đến khi bà O trả hết nợ. Do vậy việc Công ty D1 giao Giấy đăng ký xe môtô cho Công ty T5 sau khi Công ty T5 chuyển trả hết số tiền bà O còn nợ là không đúng với nội dung thỏa thuận. Công ty M sau khi mua khoản nợ của bà O từ Công ty T5 đã giữ Giấy đăng ký xe môtô, đến ngày 08/8/2024 lại giao cho ông Đỗ Văn T2 là không đúng đối tượng được nhận.

[3.4] Tuy nhiên Giấy đăng ký xe mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn T phải trả hiện ông Đỗ Văn T2 đang cất giữ. Ông T2 đồng ý trả xe và Giấy đăng ký xe cho bà O nếu bà O trả đủ tiền gốc đã vay 30.000.000đ, tiền ông T2 đã thanh toán cho Công ty M và tiền lãi phát sinh. Do vậy ông Nguyễn Văn T không phải là người trực tiếp quản lý, cất giữ Giấy đăng ký xe môtô, xe máy số 021848. Mặc khác giao dịch mua bán xe là giữa bà O và Công ty TNHH D1 chứ không phải với ông Nguyễn Văn T, nên ông T không phải là người có trách nhiệm phải giao Giấy đăng ký xe.

Từ những phân tích trên xác định yêu cầu của nguyên đơn là không có căn cứ nên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 14, Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn T phải trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe môtô, xe máy số 021848 do Công an thị xã A cấp ngày 10/6/2020 cho bà Phạm Thị O đối với xe môtô, nhãn hiệu HONDA, số loại SH MODE, biển số 81G1-264.49.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Phạm Thị O phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0013346 ngày 17/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Khê (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 13-Gia Lai). Bà O đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 11/7/2025. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã An Khê;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Bích Thảo